

# Thực trạng và một số giải pháp dành cho sinh viên không chuyên ngữ trường Đại học Quy Nhơn trong việc học tiếng Anh theo giáo trình Voices

## TÓM TẮT

Bài báo này nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả học tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ tại trường Đại học Quy Nhơn khi áp dụng giáo trình *Voices* của National Geographic Learning. Thông qua khảo sát, nghiên cứu chỉ ra rằng nhiều sinh viên gặp khó khăn khi học tiếng Anh với giáo trình *Voices*, đặc biệt là kỹ năng Nói và Nghe mặc dù khá là hứng thú với nội dung học. Việc tự học còn nhiều hạn chế, hầu như không dùng sách bài tập (Workbook) và chưa thật sự chủ động độc lập trên nền tảng MyELT. Sinh viên có xu hướng đánh giá cao sự cần thiết của việc tự chuẩn bị bài học và làm bài tập, đặc biệt trên nền tảng MyELT, mong giảng viên giảng chậm rãi, tăng cường hoạt động giao tiếp và điều chỉnh độ khó bài Nghe cho phù hợp. Dựa trên kết quả này, bài viết đề xuất phân bổ thời gian hợp lý giữa lý thuyết và thực hành linh hoạt phù hợp với từng lớp, tăng cường hoạt động giao tiếp, khai thác triệt để nền tảng MyELT và hệ sinh thái National Geographic Learning Hub, khích lệ việc tự chuẩn bị bài và làm bài tập, kết hợp đánh giá quá trình đa dạng để nâng cao kỹ năng và động lực học tiếng Anh của sinh viên.

**Từ khóa:** *Giáo trình Voices, học tiếng Anh, sinh viên không chuyên ngữ, thực trạng, giải pháp.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, năng lực sử dụng tiếng Anh (TA) trở thành yêu cầu tất yếu đối với sinh viên (SV) các ngành học. Trên cơ sở đó, nhiều trường đại học đã chuyển đổi giáo trình (GT) TA truyền thống sang các bộ GT hiện đại, tích hợp kỹ năng, công nghệ và nội dung toàn cầu — trong đó *Voices* của National Geographic Learning là một trong những lựa chọn tiêu biểu.

Kể từ khi được giới thiệu tại Việt Nam (khoảng năm 2021–2022), GT *Voices* đã được nhiều trường đại học lựa chọn thay thế các bộ GT cũ như *Life* hay *New Headway*.

GT *Voices* được triển khai tại Trường Đại học Quy Nhơn (ĐHQN) nhằm đổi mới cách dạy và học TA theo định hướng giao tiếp. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy cho thấy hiệu quả tiếp thu chưa đạt như mong đợi. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng học tập của SV không chuyên ngữ khi sử dụng GT *Voices*.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### 2.1. Lý thuyết về thiết kế GT

Một nghiên cứu của Nation và Macalister [1] đã chỉ ra rằng để xây dựng chương trình giảng dạy hiệu quả, cần bảo đảm cân bằng giữa nội dung ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp, liên kết giữa mục tiêu học tập – nội dung – đánh giá, và nội dung giảng dạy phải có tính thích ứng cao với nhu cầu của người học. GT *Voices* thể hiện rõ những yếu tố này khi xây dựng lộ trình học có hệ thống, đồng thời cung cấp tài nguyên số (video, e-book, MyELT platform) nhằm mở rộng cơ hội học tập cá nhân hoá.

### 2.2. Lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ thứ hai

Krashen [2] cho rằng ngôn ngữ được tiếp thu hiệu quả nhất khi người học được đặt trong môi trường có đầu vào ngôn ngữ ở mức “ $i + 1$ ” vừa sức nhưng có thách thức, điều mà GT *Voices* hướng đến thông qua hệ thống bài nghe – đọc xác thực và chủ đề gắn liền với đời sống thực tế.

Liên quan đến vai trò của tương tác trong việc học ngoại ngữ, một nghiên cứu của Long [3] cũng chỉ ra rằng việc học hiệu quả diễn ra thông qua tương tác có ý nghĩa giữa SV và giáo viên hoặc giữa SV với nhau. Đây là yếu tố được *Voices* chú trọng trong các hoạt động cặp (pair work), thảo luận nhóm (group discussion), và dự án làm việc nhóm (collaborative projects).

Swain [4] cho rằng quá trình sản sinh ngôn ngữ (nói, viết) giúp người học phát hiện lỗi hỏng ngôn ngữ của mình. Các nhiệm vụ nói – viết trong *Voices* được thiết kế theo hướng “task-based” nhằm khuyến khích SV tự diễn đạt, tự điều chỉnh, và phát triển ngôn ngữ.

### 2.3. Mô hình Đánh giá nhu cầu

Hutchinson và Waters [5] phát triển mô hình Đánh giá nhu cầu nhằm xác định nhu cầu học ngôn ngữ của người học trong những bối cảnh học thuật hoặc nghề nghiệp cụ thể. Mô hình này cho rằng việc thiết kế khóa học hiệu quả cần dựa trên sự hiểu biết toàn diện về nhu cầu của người học. Hutchinson và Waters chia nhu cầu thành hai nhóm lớn: nhu cầu hướng tới mục tiêu và nhu cầu học tập. Trong đó, nhu cầu hướng tới mục tiêu gồm ba loại: nhu cầu tất yếu (kỹ năng ngôn ngữ bắt buộc phải có để thực hiện nhiệm vụ trong môi trường mục tiêu), sự thiếu hụt (khoảng cách giữa năng lực hiện tại và năng lực cần thiết) và mong muốn (những điều người học muốn học, có thể khác với những gì họ cần học). Trong khi đó, nhu cầu học tập bao gồm: phong cách học tập của người học, động lực học tập, kiến thức nền tảng, điều kiện học tập (thời gian, tài liệu, môi trường) và phương pháp giảng dạy phù hợp.

### 2.4. Phương pháp giảng dạy giao tiếp

Theo Richards và Rodgers [6], phương pháp giảng dạy giao tiếp nhấn mạnh khả năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp thực tế, lấy người học làm trung tâm, đề cao tính tương tác và ý nghĩa trong quá trình học tập. GT *Voices* áp dụng phương pháp giảng dạy giao tiếp thông qua hoạt động thảo luận, tranh luận, dự án nhóm, bài tập gắn với tình huống thực tế, tích hợp kỹ năng nghe – nói – đọc – viết trong từng bài học.

### 2.5. Dạy học theo nhiệm vụ

Theo Willis [7], dạy học theo nhiệm vụ là phương pháp lấy nhiệm vụ (task) làm trung tâm, sử dụng ngôn ngữ như công cụ để người học hoàn thành mục tiêu giao tiếp thực tế và phát triển năng lực ngôn ngữ, thay vì chỉ học lý thuyết, với ba giai đoạn chính: Pre-Task (giới thiệu chủ đề, kích thích hứng thú), Task Cycle (thực hiện nhiệm vụ nhóm, lập kế hoạch, báo cáo), và Post-Task (phân tích ngôn ngữ, sửa lỗi, thực hành) nhằm phát triển kỹ năng tự nhiên, linh hoạt cho người học, tương tự cách học ngôn ngữ trong đời sống.

### 2.6. Lý thuyết động lực học tập

Dörnyei [8] khẳng định động lực học tập là yếu tố then chốt quyết định sự thành công trong học ngoại ngữ, bao gồm động lực nội tại và ngoại tại. Ông nhấn mạnh động lực học ngoại ngữ là một

quá trình năng động, phức tạp, thay đổi theo ngữ cảnh, và có thể được phát triển thông qua các chiến lược cụ thể của giáo viên, tập trung vào việc tạo ra động lực nội tại (tự chủ, năng lực) và duy trì sự tham gia bền vững cho người học. Môi trường học tập tích cực cũng góp phần đáng kể trong việc nâng cao động lực học tập.

### 2.7. Ứng dụng công nghệ trong dạy học

Ali, Kalarikkal, Ismail và Khenfer [9] chỉ ra rằng ứng dụng công nghệ trong dạy học ngoại ngữ tạo điều kiện cho người học tăng cường khả năng tự học và tương tác thông qua việc tự luyện kỹ năng nghe, nói và tương tác ngoài lớp học thông qua nền tảng số như MyELT, video, ứng dụng phát âm và mạng xã hội học tập. Điều này giúp tạo ra môi trường ngôn ngữ phong phú hơn so với lớp học truyền thống.

## 3. PHƯƠNG PHÁP

### 3.1. Mục tiêu nghiên cứu

- Khảo sát thực trạng việc học TA theo GT *Voices* của SV không chuyên ngữ trường ĐHQN.

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả học TA theo GT *Voices* của SV không chuyên ngữ trường ĐHQN.

- Đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả học TA theo GT *Voices* tại trường ĐHQN.

### 3.2. Câu hỏi nghiên cứu

- Thực trạng việc học TA theo GT *Voices* của SV không chuyên ngữ trường ĐHQN hiện nay như thế nào?

- Những yếu tố nào ảnh hưởng việc học TA theo GT *Voices* của SV không chuyên ngữ trường ĐHQN?

- Cần đề xuất những giải pháp gì để nâng cao hiệu quả học TA theo GT *Voices* tại trường ĐHQN?

### 3.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp hỗn hợp - kết hợp giữa định lượng và định tính, nhằm đảm bảo độ tin cậy và tính sâu sắc của kết quả, đảm bảo tính toàn diện khi đánh giá thực trạng và xác định giải pháp. Cách tiếp cận này giúp phản ánh trung thực nhận thức, khó khăn và nhu cầu của SV không chuyên; cung cấp bằng chứng thực tế cho nhà trường và giảng viên (GV) trong việc điều chỉnh chương trình dạy học TA theo GT *Voices*; đồng thời làm nền tảng khoa học cho các giải pháp khả thi. Phương pháp định lượng được sử dụng để thu thập dữ liệu từ Bảng

câu hỏi khảo sát về thực trạng học TA theo GT *Voices* của SV không chuyên ngữ tại Trường ĐHQN cũng như nhận thức của SV về một số yếu tố ảnh hưởng đến việc học TA theo GT này. Phương pháp định tính được sử dụng để phỏng vấn sâu các SV với mục đích làm rõ các kết quả định lượng và tìm hiểu sâu hơn về trải nghiệm thực tế khi học GT *Voices*; đồng thời đề xuất cải thiện từ góc nhìn người học. Ngoài ra, trong nghiên cứu này các tác giả còn sử dụng các kỹ thuật như thống kê, mô tả, tổng hợp, so sánh và phân tích nhằm làm rõ kết quả điều tra từ các bảng câu hỏi khảo sát và các cuộc phỏng vấn SV. Qua đó, các tác giả có thể phản ánh đúng thực trạng học TA theo GT *Voices* của SV không chuyên ngữ tại trường ĐHQN và nhận thức của SV về một số yếu tố ảnh hưởng đến việc học TA theo GT này, đồng thời từ đó đề xuất các giải pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả học TA theo GT *Voices* cho SV không chuyên ngữ tại trường ĐHQN.

### 3.4. Thu thập dữ liệu

Việc thu thập dữ liệu được thực hiện dưới hai hình thức: điều tra khảo sát và phỏng vấn sâu.

#### Điều tra khảo sát

Việc điều tra khảo sát được tiến hành đối với SV năm thứ nhất (K47) thuộc các khoa không chuyên của trường ĐHQN. Thời điểm khảo sát là khi các SV này vừa hoàn thành xong 2 học phần TA (cuối năm nhất). Việc khảo sát được thực hiện 2 lần với 2 bảng câu hỏi khảo sát khác nhau và thời gian thực hiện cách nhau 1 tháng nhằm hạn chế khả năng ảnh hưởng qua lại của các câu trả lời ở 2 bảng câu hỏi khảo sát. Đợt khảo sát thứ nhất tìm hiểu về thực trạng việc học TA theo GT *Voices* của SV không chuyên ngữ trường ĐHQN, được thực hiện vào tháng 6 năm 2025. Đợt khảo sát thứ hai tìm hiểu về nhận thức của SV không chuyên ngữ trường ĐHQN về một số yếu tố ảnh hưởng đến việc học TA theo GT *Voices*, được thực hiện vào tháng 7 năm 2025. Việc khảo sát được tiến hành với các mẫu ngẫu nhiên. Tuy nhiên, vì các tác giả rất ý thức phương pháp giảng dạy của các GV chắc chắn có sự khác nhau; do vậy để đảm bảo tính khách quan và đại diện cao các tác giả đã tiến hành khảo sát SV đến từ các lớp khác nhau và từ nhiều khoa khác nhau. Tổng cộng có 406 SV đã hoàn thành bảng câu hỏi khảo sát.

#### Phỏng vấn sâu

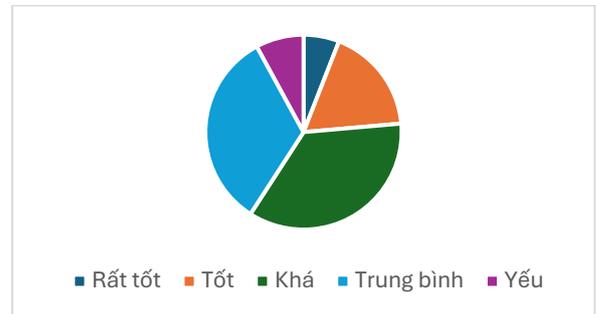
Việc phỏng vấn được thực hiện sau khi đã có số liệu từ điều tra khảo sát. Căn cứ trên kết quả thu được, các tác giả chọn ra một số trường hợp có câu trả lời theo xu hướng đa số hoặc câu trả lời

theo phương án ít người chọn để phỏng vấn nhằm làm sáng rõ hơn vấn đề nghiên cứu.

## 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 4.1. Thực trạng việc học TA theo GT *Voices* của SV không chuyên ngữ

#### 4.1.1. Trình độ TA trước khi tham gia học GT *Voices*

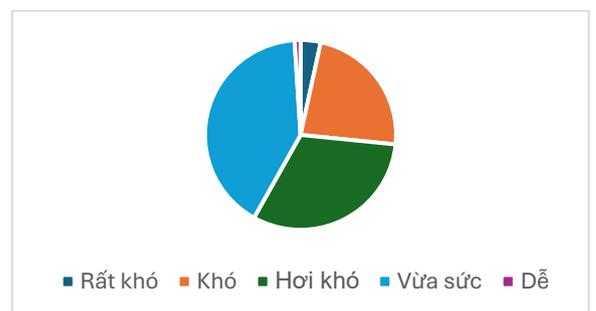


**Biểu đồ 1.** Trình độ TA trước khi tham gia học GT *Voices*

Biểu đồ 1 cho thấy đa phần SV thực hiện khảo sát tự đánh giá trình độ TA của mình trước khi tham gia học GT *Voices* là từ khá trở lên, trong đó mức khá chiếm tỉ lệ cao nhất 35,5%, tốt 17,7% và đặc biệt có 24 SV (5,9%) cho rằng trình độ TA của mình rất tốt. Số SV còn lại chủ yếu tự nhận xét trình độ TA của mình chỉ đạt mức trung bình (33%) và một phần tương đối nhỏ (7,9%) SV ở mức độ yếu. Như vậy, có thể thấy rằng theo nhận định chủ quan từ phía người học thì hầu như trình độ TA của họ đều đạt từ trung bình trở lên. Phỏng vấn từ một số SV thì được cho biết việc tự đánh giá này được dựa trên kết quả học tập môn tiếng Anh tại trường trung học phổ thông.

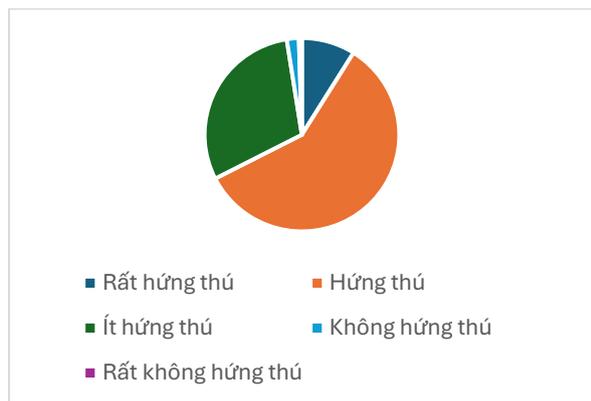
#### 4.1.2. Độ khó của GT *Voices*

Theo số liệu ở biểu đồ 2, mặc dù đánh giá độ khó của GT *Voices* ở mức vừa sức đạt tỉ lệ cao nhất (40,9%), nhưng nhìn chung phần lớn SV đều cho rằng độ khó của GT này cao hơn so với năng lực TA của họ. Cụ thể, có đến 31,5% SV cho rằng nội dung của GT *Voices* là hơi khó và 23,2% đánh giá là khó, đặc biệt có 3,4% nhận định là rất khó. Điều này chứng tỏ, có hơn một nửa số SV gặp nhiều trở ngại khi học TA với GT *Voices*.



**Biểu đồ 2.** Độ khó của GT *Voices*

4.1.3. Mức độ hứng thú của SV với nội dung giảng dạy GT *Voices*

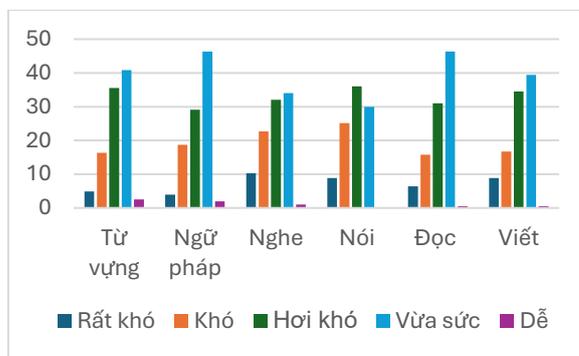


**Biểu đồ 3.** Mức độ hứng thú của SV với nội dung giảng dạy GT *Voices*

Có thể nhận thấy rằng, biểu đồ 3 chỉ rõ là có đến hơn 2/3 số SV được khảo sát yêu thích nội dung giảng dạy của GT *Voices*. Con số 58,6% SV tỏ ra hứng thú và đặc biệt có 8,9% cho rằng mình rất hứng thú là một điều khá đáng mừng. Mặc dù 1/3 lượng SV bày tỏ sự không hứng thú không phải là một con số nhỏ, nhưng điều này rất dễ hiểu vì nó tương thích với số lượng SV nhận định trình độ TA của mình chỉ đạt mức trung bình và yếu. Đồng thời đây cũng là một tín hiệu tốt vì tỉ lệ này thấp hơn nhiều so với tỉ lệ SV nhận định chương trình học từ mức độ hơi khó trở lên. Điều này cho thấy, dù chương trình học khá khó so với khả năng của người học nhưng nhìn chung đã khơi gợi được sự quan tâm yêu thích môn học ở các em.

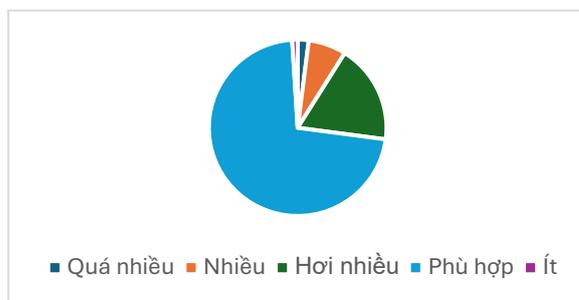
4.1.4. Độ khó của các kỹ năng trong GT *Voices*

Dựa trên các số liệu từ biểu đồ 4, mặc dù vừa sức là mức độ nhận được nhiều đánh giá nhất từ phía SV khi được hỏi ý kiến về độ khó của các kỹ năng riêng biệt trong GT *Voices*, nhưng có thể thấy rõ là tỉ lệ cao nhất cũng chỉ đạt 46,3% (dành cho hai kỹ năng Đọc và Ngữ pháp). Đồng thời, đánh giá ở mức dễ chỉ chiếm một tỉ lệ cực kì nhỏ từ 0,5% đến 2,5%, đặc biệt không có SV nào cho rằng kĩ năng Nói là dễ. Như vậy, phần lớn SV đều cho rằng các kĩ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và các phần Từ vựng, Ngữ pháp nhìn chung đều ở mức hơi khó trở lên. Ngoài ra, biểu đồ còn thể hiện rằng ba kĩ năng Viết, Nghe và Nói là các kĩ năng được cho là khó nhất, trong đó Nói và Nghe có tỉ lệ rất cao (34% và 33%) đánh giá rằng hai kĩ năng này ở mức khó hoặc rất khó.



**Biểu đồ 4.** Độ khó của các kỹ năng trong GT *Voices*

4.1.5. Sự phân bổ khối lượng kiến thức



**Biểu đồ 5.** Sự phân bổ khối lượng kiến thức

Có thể thấy rõ từ biểu đồ 5 là phần đông SV tham gia khảo sát đều nhận định rằng việc phân bổ khối lượng kiến thức trong từng buổi học là phù hợp (71,9%). Chỉ khoảng hơn ¼ số lượng SV cho rằng việc phân bổ kiến thức so với thời gian trên lớp là chưa phù hợp với tỉ lệ cao nhất thuộc về đánh giá hơi nhiều, chiếm 18,2%. Các nhận xét khác như nhiều hoặc quá nhiều chiếm tỉ lệ nhỏ. Dữ liệu còn cho thấy, số SV nhận định lượng kiến thức là ít so với thời gian là không đáng kể, chỉ có 1%.

4.1.6. Chuẩn bị bài trước giờ lên lớp



**Biểu đồ 6.** Chuẩn bị bài trước giờ lên lớp

Từ biểu đồ 6, chúng ta có thể thấy SV cũng đã có ý thức chuẩn bị bài học trước khi đến lớp. Cụ thể, có đến 33% SV thường xuyên thực hiện công việc này. Đáng mừng hơn nữa, còn có 10,8% SV luôn luôn dành thời gian chuẩn bị bài trước. Tuy nhiên, thỉnh thoảng mới có sự chuẩn bị bài học trước giờ

lên lớp vẫn là mức độ chiếm tỉ lệ cao nhất (46,3%). Gần 10% số SV còn lại thừa nhận rằng họ hiếm khi hoặc thậm chí là không bao giờ thực hiện việc chuẩn bị bài học trước. Do vậy, điều này cũng góp phần tạo sự không đồng đều trong việc tiếp thu bài học ở các SV.

#### 4.1.7. Ôn tập bài sau giờ lên lớp



**Biểu đồ 7.** Ôn tập bài sau giờ lên lớp

Quan sát từ biểu đồ 7 chúng ta thấy rằng so với việc chuẩn bị bài học trước giờ lên lớp thì SV ít quan tâm việc ôn tập lại bài đã học sau giờ lên lớp hơn. Chỉ có khoảng hơn ¼ SV tham gia khảo sát là luôn luôn (4,4%) hoặc thường xuyên (25,1%) thực hiện việc này. Phần lớn SV dành khá ít thời gian để ôn tập bài, cụ thể có đến 58,1% SV thừa nhận rằng thỉnh thoảng mình mới thực hiện hoạt động này, số còn lại thì hiếm khi hoặc không bao giờ.

#### 4.1.8. Sử dụng sách bài tập (Workbook)

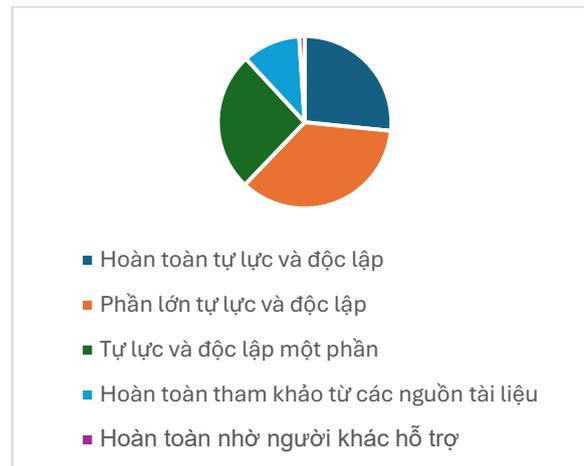


**Biểu đồ 8.** Sử dụng sách bài tập (Workbook)

Biểu đồ 8 cho thấy có đến 90,8% SV thừa nhận rằng họ không bao giờ sử dụng sách bài tập (Workbook) để tự luyện tập thêm và tỉ lệ câu trả lời với mức độ hiếm khi chiếm 6,2%. Chỉ có một số lượng hiếm hoi SV còn lại (3%) cho rằng thỉnh thoảng họ cũng có dành thời gian cho việc này. Đáng buồn là không có SV nào thường xuyên hoặc luôn luôn quan tâm đến việc tự làm thêm bài tập trong sách Workbook. Kết quả từ phỏng vấn

một số SV trong nhóm này cho thấy SV hầu như không mua sách bài tập (Workbook).

#### 4.1.9. Làm bài tập online trên nền tảng MyELT



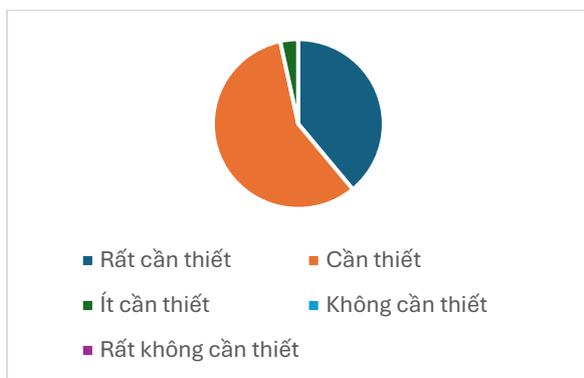
**Biểu đồ 9.** Làm bài tập online trên nền tảng MyELT

Dựa vào biểu đồ 9, chúng ta nhận thấy rằng SV khá có ý thức về việc tự lực làm bài tập online trên nền tảng MyELT. Có đến 26,6% SV tham gia khảo sát hoàn toàn tự lực và độc lập trong việc làm bài, và một tỉ lệ còn lớn hơn (35,5%) làm bài với ít sự hỗ trợ mà phần lớn đều tự nỗ lực. Tuy nhiên, cũng còn một phần không nhỏ - 26,1% SV – chỉ làm bài tập online với sự tự lực và độc lập một phần. Số còn lại là hoàn toàn tham khảo từ các nguồn tài liệu (10,8) hoặc thậm chí là hoàn toàn nhờ người khác hỗ trợ (1%). Điều này hoàn toàn dễ lý giải vì tỉ lệ này tương đối gần với tỉ lệ SV tự đánh giá năng lực TA đầu vào của mình chỉ ở mức yếu.

## 4.2. Nhận thức của SV không chuyên ngữ về một số yếu tố ảnh hưởng đến việc học TA theo GT Voices

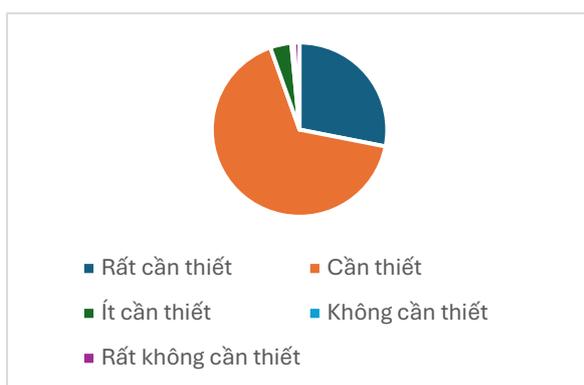
### 4.2.1. Nhận thức về sự cần thiết xem trước nội dung bài học

Có thể nhận thấy rõ từ biểu đồ 10 rằng gần như toàn bộ SV tham gia khảo sát (96,6%) đều đồng ý cần phải xem trước nội dung bài học để giúp dễ hiểu bài học trên lớp hơn, trong đó có đến 57,6% đánh giá ở mức cần thiết và 39% còn lại cho rằng điều này là rất cần thiết. Chỉ một con số ít ỏi 3,4% nhận định là ít cần thiết. Đặc biệt không có SV nào phủ nhận hoàn toàn tầm quan trọng của việc xem trước nội dung bài học đối với việc hiểu bài học trên lớp. Điều này cho thấy SV rất có ý thức về tầm quan trọng của việc chuẩn bị bài trước giờ lên lớp.



**Biểu đồ 10.** Nhận thức về sự cần thiết xem trước nội dung bài học

#### 4.2.2. Nhận thức về sự cần thiết làm bài tập đối với việc ghi nhớ từ vựng, ngữ pháp và phát triển các kỹ năng



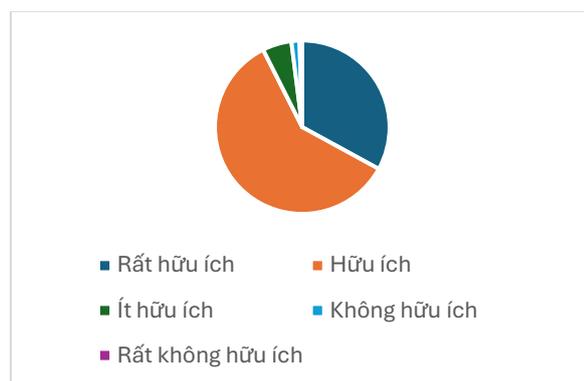
**Biểu đồ 11.** Nhận thức về sự cần thiết làm bài tập đối với việc ghi nhớ từ vựng, ngữ pháp và phát triển các kỹ năng

Số liệu từ biểu đồ 11 thể hiện sự đồng thuận gần như tuyệt đối (94,6%) với quan điểm việc làm nhiều bài tập là cần thiết để ghi nhớ từ vựng, ngữ pháp và phát triển các kỹ năng, trong đó có 66,5% SV cho là cần thiết và 28,1% đánh giá việc này là rất cần thiết. Các đánh giá trái chiều chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ không đáng kể. Điều này cho thấy SV cực kỳ ý thức về tầm quan trọng của việc luyện tập thực hành để ghi nhớ kiến thức và nâng cao các kỹ năng TA. Tuy nhiên, điều này lại mâu thuẫn với kết quả khảo sát đa phần SV không thường xuyên tự làm thêm bài tập trong sách Workbook. Điều này cho thấy mặc dù SV nhận thức rõ sự cần thiết của việc tự rèn luyện thực hành bài tập nhưng lại chưa có sự tự giác và cố gắng tự học.

#### 4.2.3. Nhận thức về lợi ích của việc làm bài tập online trên nền tảng MyELT

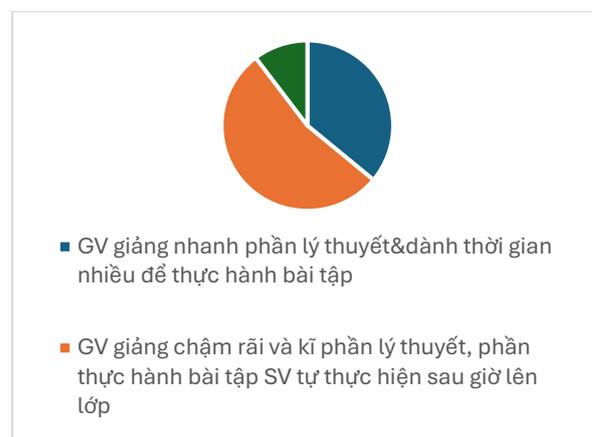
Chúng ta đều thấy rõ là hầu như SV tham gia khảo sát đều công nhận lợi ích làm bài tập online trên nền tảng MyELT. Biểu đồ 12 đã chỉ ra tỉ lệ SV nhận định việc làm này là rất hữu ích và hữu ích

chiếm đến 33% và 59,6%. Chỉ 7,4% có đánh giá ngược lại hoặc cho là ít hữu ích. Điều này tương tự như nhận thức của SV về sự cần thiết của việc làm bài tập đối với việc ghi nhớ từ vựng, ngữ pháp và phát triển các kỹ năng.



**Biểu đồ 12.** Nhận thức về lợi ích của việc làm bài tập online trên nền tảng MyELT

#### 4.2.4. Nhận thức về cách dạy-học hiệu quả



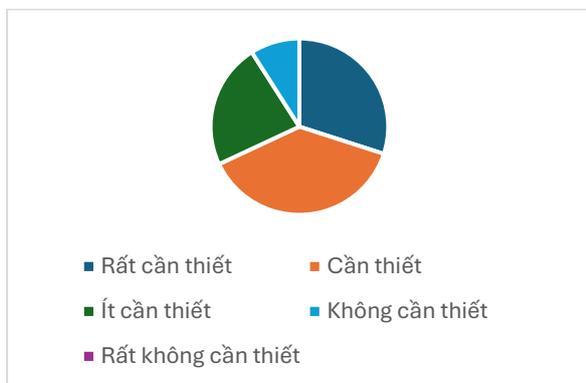
**Biểu đồ 13.** Nhận thức về cách dạy-học hiệu quả

Số liệu trên biểu đồ 13 thể hiện rõ là hơn ½ số SV tham gia khảo sát (53,7%) thể hiện mong muốn GV giảng chậm rãi và kĩ phần lý thuyết, còn phần thực hành bài tập thì SV tự thực hiện sau giờ lên lớp. Họ cho rằng cách thức dạy – học này là hiệu quả hơn cho mình. 36% số SV chọn cách GV giảng nhanh phần lý thuyết và dành thời gian nhiều để thực hành bài tập. Chỉ có 10,3% SV cho rằng việc dạy – học sẽ tốt hơn nếu SV tự nghiên cứu lý thuyết trước và toàn bộ thời gian trên lớp dành để thực hành bài tập.

#### 4.2.5. Nhận thức về việc tăng cường hoạt động giao tiếp

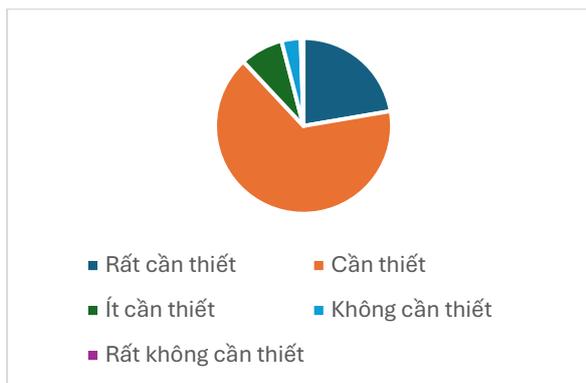
Từ số liệu trên biểu đồ 14, chúng ta có thể nhận thấy đa số SV tham gia khảo sát (68%) đồng ý rằng cần thiết hoặc rất cần thiết để GV tăng cường các hoạt động giao tiếp có mục đích trong mỗi tiết học như thảo luận, đóng vai, trình bày ngắn. Chỉ có một tỉ lệ tương đối thấp (9%) cho rằng hoạt

động này là không cần thiết và không SV nào đánh giá ở mức rất không cần thiết. Số lượng SV còn lại (23%) nhận thức rằng tăng cường hoạt động giao tiếp là ít cần thiết. Để tìm hiểu rõ hơn vì sao có đến gần 1/3 SV lại không đề cao hoạt động này, các tác giả đã tiến hành phỏng vấn thì thật bất ngờ khi rất nhiều câu trả lời cho biết các GV đã rất thường xuyên chú trọng hoạt động giao tiếp trong lớp học; vì vậy, việc các SV này không đánh giá cao sự cần thiết tăng cường hoạt động giao tiếp là hoàn toàn hợp lý.



**Biểu đồ 14.** Nhận thức về việc tăng cường hoạt động giao tiếp

#### 4.2.6. Nhận thức về sự cần thiết thiết kế lại bài tập môn Nghe



**Biểu đồ 15.** Nhận thức về sự cần thiết thiết kế lại bài tập môn Nghe

Có thể nhận thấy rõ từ biểu đồ 15 là SV đánh giá cao sự cần thiết thiết kế lại các bài tập môn Nghe mức độ khó trong GT cho phù hợp hơn với trình độ của mình. Có đến 65,8% SV cho rằng điều này là cần thiết và thêm 22,3% SV nhận định là rất cần thiết. Số SV cho rằng việc này là ít cần thiết cho đến rất không cần thiết chiếm tỉ lệ khá nhỏ, chỉ trên 11%.

#### 4.3. Một số giải pháp đề xuất

Dựa trên đánh giá của các SV tham gia khảo sát về thực trạng việc học TA theo GT *Voices* và nhận thức của họ về một số yếu tố ảnh hưởng đến

việc học này, chúng tôi đề xuất ra một số giải pháp như sau:

Các GV cần chú trọng đến việc phân bổ thời gian giảng lý thuyết và rèn luyện thực hành tại lớp cho phù hợp với năng lực và nhu cầu của SV. Vì trình độ SV có sự chênh lệch với nhiều mức độ khác nhau và phần lớn SV đều có đánh giá chương trình nói chung cũng như các kỹ năng trong GT *Voices* là ở mức độ từ hơi khó trở lên, đồng thời căn cứ vào nhận định của SV về cách dạy – học hiệu quả đối với họ, thiết nghĩ các GV nên dành thời gian giảng chậm rãi và kỹ phần lý thuyết và điều này có thể điều chỉnh tùy tình hình năng lực thực tế từng lớp học. Việc thực hành bài tập sẽ cố gắng thực hiện tại lớp một phần và phần còn lại yêu cầu SV tự thực hiện sau giờ lên lớp. Dĩ nhiên, phải có sự kiểm tra việc làm bài tập tại nhà của SV.

Cần tăng cường các hoạt động giao tiếp có mục đích trong mỗi tiết học như thảo luận, đóng vai, trình bày ngắn... GV hướng dẫn, tạo không gian để SV tự khám phá ngôn ngữ qua tình huống thực tế của GT *Voices*. Để làm tốt được điều này, GV cần được tập huấn thêm về phương pháp giảng dạy giao tiếp và cần có sự cải tiến phân bổ thời lượng học để có thêm thời gian cho các hoạt động tương tác.

Hầu hết SV đều công nhận tính hữu ích của việc làm bài tập trên nền tảng MyELT. Do đó, việc giao và chấm bài tập trên nền tảng MyELT để lấy điểm quá trình nên được tiếp tục duy trì. Đồng thời các GV nên cố gắng chăm thường xuyên và đều đặn theo từng bài học để SV có thể theo dõi được tiến bộ của bản thân, từ đó có sự phấn đấu, tăng động lực hoàn thành tốt hơn và làm đầy đủ các bài tập được giao.

Một tỉ lệ không nhỏ SV còn chưa thật sự tự lực và độc lập khi làm bài tập trên nền tảng MyELT, do đó việc tính điểm quá trình không nên chỉ lấy từ việc làm bài tập trên nền tảng MyELT mà còn cần kết hợp cả việc kiểm tra tại lớp để SV xem việc làm bài tập tại nhà là cách để thực hành rèn luyện nâng cao năng lực TA có chất lượng thật sự chứ không phải chỉ làm để đối phó.

Tương tự, đa phần SV đều nhận thức rõ về sự cần thiết của việc làm nhiều bài tập đối với việc ghi nhớ từ vựng, các điểm ngữ pháp được học, và phát triển các kỹ năng. Tuy nhiên, họ hầu như không hoặc ít khi sử dụng sách bài tập (Workbook) như một nguồn tư liệu sát với chương trình học để luyện tập thêm. Chính vì vậy, thiết nghĩ GV nên động viên SV tăng cường luyện tập thêm các nội dung trong sách bài tập bằng

cách kiểm tra, chấm bài và tính vào điểm cộng thêm trong cột điểm quá trình.

Cần động viên SV có sự chuẩn bị bài bằng cách giao trước nội dung bài học để SV tự nghiên cứu trước giờ lên lớp và cho điểm cộng thêm vào điểm quá trình khi SV tham gia xây dựng bài học trên lớp.

Khắc phục khó khăn lớn nhất của SV không chuyên chính là cải thiện kỹ năng Nghe - Nói. Cần tận dụng nền tảng MyELT và hệ sinh thái National Geographic Learning Hub để luyện nghe và ghi âm bài nói. Đặc biệt, đối với một số bài tập thuộc kỹ năng Nghe ở mức độ khó đối với SV, các GV tham gia dạy TA nên thảo luận cùng nhau và thiết kế lại các dạng bài tập ở mức độ đơn giản hơn để tạo thêm hứng thú và dễ tiếp thu hơn cho người học.

Cần khích lệ SV tận dụng hết mức các tài nguyên số của hệ sinh thái National Geographic Learning Hub vì hệ sinh thái này trang bị đầy đủ cho người học các điều kiện để có thể học tập ở mọi lúc mọi nơi một cách tiện lợi và hiệu quả.

Về phía GV, cần có sự điều chỉnh trong kiểm tra đánh giá. Việc đánh giá quá trình cần bao gồm trên nhiều phương diện: không chỉ là sự chuyên cần, bài tập về nhà, mà còn là hoạt động tự học trên nền tảng MyELT và kết quả tham gia hoạt động giao tiếp trực tiếp tại lớp học. Việc kiểm tra đánh giá toàn diện này sẽ thúc đẩy sự phát triển đầy đủ các kỹ năng ngôn ngữ và tăng cường động lực học tập ở SV.

## 5. Kết luận

Mục đích của bài báo này là trình bày thực trạng và tìm ra giải pháp dành cho SV không chuyên ngữ trường ĐHQN trong việc học TA theo GT *Voices*. Với mục đích đó, nghiên cứu đã lần lượt tìm hiểu về thực trạng học TA và nhận thức của SV không chuyên về một số yếu tố ảnh hưởng đến việc học TA theo GT này. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm giúp SV học tốt hơn.

Đánh giá về thực trạng việc học TA theo GT *Voices*, nghiên cứu đã chỉ ra rằng có đến hơn một nửa số SV gặp nhiều trở ngại khi học TA với GT *Voices* mặc dù theo nhận định chủ quan từ phía người học thì hầu như trình độ TA của họ đều đạt từ trung bình trở lên. Phần lớn SV đều cho rằng các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và các phần Từ vựng, Ngữ pháp nhìn chung đều ở mức hơi khó trở lên, đặc biệt trong đó Nói và Nghe có tỉ lệ cao SV đánh giá ở mức khó hoặc rất khó. Tuy nhiên, một điều đáng mừng là, dù rất nhiều SV đánh giá độ khó của GT này cao hơn năng lực TA

của họ nhưng có đến hơn 2/3 SV được khảo sát cho biết họ hứng thú với nội dung giảng dạy của GT. Nghiên cứu cũng chỉ ra phần lớn SV nhận định rằng sự phân bổ khối lượng kiến thức trong từng buổi học là phù hợp. Về phía người học, dù một bộ phận tương đối SV đã có ý thức chuẩn bị bài trước giờ lên lớp hoặc ôn tập bài sau giờ lên lớp nhưng nhìn chung các hoạt động này vẫn chưa nhận được sự quan tâm đúng mức từ phía người học. Đa phần SV chỉ mới thỉnh thoảng hoặc hiếm khi thực hiện điều này. Một điều đáng buồn là gần như toàn bộ SV đều không sử dụng sách bài tập (Workbook) để tự luyện tập thêm, một điều mà rất cần thiết đối với việc tự rèn luyện nâng cao trình độ. Trái ngược lại với điều này, đa phần SV có chú tâm hơn vào việc làm bài tập online trên nền tảng MYELT; tuy nhiên, còn hơn 1/3 SV vẫn chưa thể hiện sự tự lực và độc lập thật sự khi làm bài trên nền tảng này.

Đánh giá về tầm quan trọng của một số yếu tố liên quan đến việc học TA theo GT *Voices*, việc cần thiết xem trước nội dung bài học và làm bài tập để ghi nhớ từ vựng, ngữ pháp và phát triển các kỹ năng hoặc lợi ích của việc làm bài tập online trên nền tảng MyELT đều nhận được sự ủng hộ của gần như toàn bộ SV. Ở khía cạnh liên quan đến cách dạy - học hiệu quả, tỉ lệ cao nhất thuộc về nhóm SV có mong muốn GV giảng chậm rãi và kĩ phần lý thuyết, phần thực hành bài tập SV tự thực hiện sau giờ lên lớp. Bên cạnh đó, phần lớn SV cho rằng GV cần tăng cường hơn nữa các hoạt động giao tiếp trong lớp học như thảo luận, đóng vai hoặc trình bày ngắn. Đặc biệt, một tỉ lệ rất cao (88,1%) SV thừa nhận sự cần thiết của việc thiết kế lại các bài tập môn Nghe mức độ khó trong GT cho phù hợp hơn với trình độ của mình.

Từ kết quả đánh giá thực trạng và nhận thức về tầm quan trọng của các yếu tố liên quan đến việc học TA theo GT *Voices*, nghiên cứu đã đề ra một số giải pháp. Trước hết, GV cần phân bổ hợp lý thời gian giữa lý thuyết và thực hành, phù hợp với năng lực và nhu cầu đa dạng của SV. Do nhiều SV thấy nội dung GT *Voices* khá khó, GV nên giảng lý thuyết chậm và kỹ, linh hoạt theo từng lớp; thực hành kết hợp làm tại lớp và giao về nhà, đồng thời có kiểm tra việc tự học. Ngoài ra, cần tăng cường các hoạt động giao tiếp tại lớp và chú trọng tập huấn cho GV về phương pháp giảng dạy giao tiếp. SV nhìn chung đánh giá cao tính hữu ích của bài tập trên nền tảng MyELT, vì vậy việc giao và chấm bài thường xuyên để tính điểm quá trình nên được duy trì nhằm giúp SV theo dõi tiến bộ bản thân và tăng động lực học tập. Tuy nhiên, do một bộ phận SV chưa thực sự tự lực khi làm bài, điểm quá trình cần kết hợp giữa bài tập

MyELT và kiểm tra trên lớp để đảm bảo chất lượng học tập thực chất. Bên cạnh đó, dù nhận thức được vai trò của việc luyện tập, nhưng SV vẫn ít sử dụng sách bài tập, nên GV cần khuyến khích và đưa việc làm bài tập trong Workbook vào đánh giá điểm quá trình nhằm tăng hiệu quả rèn luyện. Cần khuyến khích SV chủ động chuẩn bị bài trước ở nhà và tham gia tích cực trên lớp thông qua giao nhiệm vụ trước và cộng điểm quá trình. Việc cải thiện kỹ năng Nghe – Nói cho SV không chuyên nên được chú trọng bằng cách khai thác hiệu quả MyELT và hệ sinh thái National Geographic Learning Hub, đồng thời điều chỉnh mức độ khó của bài Nghe cho phù hợp. Đồng thời, GV cần đổi mới đánh giá quá trình theo hướng toàn diện, kết hợp sự chuyên cần, tự học trên nên tăng số và hoạt động giao tiếp trên lớp nhằm nâng cao năng lực ngôn ngữ và động lực học tập của SV.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. I. S. P. Nation and J. Macalister, *Language Curriculum Design*. New York: Routledge, 2010.
2. S. D. Krashen, *Principles and Practice in Second Language Acquisition*. Oxford: Pergamon Press, 1982.
3. M. H. Long, “The role of the linguistic environment in second language acquisition,” in *Handbook of Second Language Acquisition*, W. C. Ritchie and T. K. Bhatia, Eds. San Diego: Academic Press, 1996, pp. 413-468.
4. M. Swain, “Communicative competence: Some roles of comprehensible input and comprehensible output in its development,” in *Input in Second Language Acquisition*, S. M. Gass and C. G. Madden. Rowley, MA: Newbury House, 1985, pp. 235-253.

Mặc dù nghiên cứu đã giải đáp được các câu hỏi đề ra nhưng nhìn chung vẫn còn một số hạn chế nhất định. Thứ nhất là tuy con số 406 SV tham gia khảo sát không phải là quá nhỏ nhưng so với số lượng SV không chuyên khóa 47 thì cũng còn ít nhiều hạn chế. Vì vậy, kết quả nghiên cứu chưa thể đánh giá được thực trạng của toàn bộ SV không chuyên ngữ tại trường. Trong tương lai, nghiên cứu tiếp theo kì vọng sẽ được thực hiện với số lượng mẫu nhiều hơn để tăng độ tin cậy và xác thực cho nghiên cứu. Thứ hai là, các giải pháp đề xuất sẽ có tính thuyết phục hơn nếu được thực nghiệm sư phạm dài hạn nhằm đánh giá sự thay đổi về năng lực TA và động lực học tập của SV không chuyên ngữ tại trường ĐHQN.

## Cam kết về mâu thuẫn lợi ích

*Các tác giả tuyên bố nghiên cứu này không có xung đột lợi ích.*

5. T. Hutchinson and A. Waters, *English for specific purposes: A learning centred approach*. Cambridge: Cambridge University Press, 1987.
6. J. C. Richards and T. S. Rodgers, *Approaches and Methods in Language Teaching*, 2<sup>nd</sup> edition. Cambridge: Cambridge University Press, 2001.
7. J. Willis, *A Framework for Task-Based Learning*. Harlow: Longman, 1996.
8. Z. Dornyei, *Motivational Strategies in the Language Classroom*. Cambridge: Cambridge University Press, 2001.
9. Z. Ali, F. Kalarikkal, R. Ismail, and M. O.Khenfer, “Students’ Perceived Use of MyELT in English Language Learning: Attitude, Perceived Knowledge, and Perceived Benefit,” *Innovative Teaching and Learning Journal*, vol. 5, no. 2, Dec., pp. 59-71, 2021.

# **Situation and some proposed solutions for non-major students at Quy Nhon University in learning English with the *Voices* textbook**

## **ABSTRACT**

This article investigates the situation and proposes some solutions to improve the effectiveness of English learning among non-major students at Quy Nhon University when using the *Voices* textbook published by National Geographic Learning. Through a survey, the study reveals that many students experience difficulties in learning English with the *Voices* textbook, particularly in speaking and listening skills, although they show considerable interest in the learning content. Self-study remains limited, and most students rarely use the workbook and are not truly proactive or independent on the MyELT platform. Students tend to highly appreciate the necessity of preparing lessons in advance and completing assignments, especially on the MyELT platform. They also expect lecturers to give lessons at a slower pace, increase communicative activities, and adjust the difficulty level of listening tasks to better suit their proficiency. Based on these findings, the article proposes a more balanced allocation of time between theory and practice tailored to each class, enhanced communicative activities, more effective use of the MyELT platform and the National Geographic Learning Hub ecosystem, encouragement of lesson preparation and assignment completion, and the integration of diverse formative assessment methods to improve students' English proficiency and learning motivation.

**Keywords:** *Voices textbook, English learning, non-major students, situation, solutions.*